

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh
xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số: 2180/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; 1622/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Thực hiện Kế hoạch số 3306/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Thực hiện Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 375/TTr-SNN ngày 06 tháng 02 năm 2025; Báo cáo số 38/BC-SNN ngày 06 tháng 02 năm 2025; Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành tại Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, với các nội dung chính như sau:

1. Tên Đề án: Mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Thời gian thực hiện: năm 2025.

3. Địa điểm thực hiện: xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Đơn vị lập Đề án mô hình thí điểm: Ủy ban nhân dân xã Trường Đông.

5. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

6. Kinh phí thực hiện: 6.181.082.506 đồng (sáu tỷ một trăm tám mươi một triệu không trăm tám mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương: 4.421.082.506 đồng.

- Nguồn xã hội hóa: 1.760.000.000 đồng.

7. Nguồn vốn: ngân sách Trung ương bố trí từ nguồn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và huy động nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Mục tiêu của Đề án và nội dung chính của Đề án

(Phụ lục kèm theo và Đề án)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành phụ trách tiêu chí và các đơn vị có liên quan căn cứ vào Đề án đã được phê duyệt, hướng dẫn triển khai thực hiện đúng theo quy định; thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thông minh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Ủy ban nhân dân xã Trường Đông về kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện mô hình.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung của mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Ủy ban nhân dân xã Trường Đông sử dụng nguồn ngân sách đảm bảo theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới thông minh; thẩm định, đánh giá, công nhận đối với các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc lĩnh vực phụ trách đối với xã thí điểm thực hiện nông thôn mới thông minh.

5. Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành

- Thành lập tổ triển khai thực hiện Đề án; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Trường Đông xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện mô hình đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Thường xuyên hỗ trợ, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện mô hình.

- Tổng hợp tình hình triển khai mô hình; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất phương án giải quyết; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Xây dựng báo cáo tổng kết đánh giá thực hiện mô hình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân xã Trường Đông

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện mô hình đảm bảo hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức cung cấp thông tin, tuyên truyền, vận động người dân và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tích cực tham gia xây dựng mô hình; huy động xã hội hóa từ đóng góp của các doanh nghiệp trên địa bàn và người dân tham gia xây dựng mô hình thí điểm.

- Xây dựng báo cáo tổng kết đánh giá thực hiện mô hình, báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UB MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT, Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP, KSTT, KT;
- Lưu: VP, VP UBND tỉnh. (VT)

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KÌ CHỦ TỊCH.



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục
MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM XÃ NÔNG
THÔN MỚI THÔNG MINH XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HÒA THÀNH
(Kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025
của UBND tỉnh Tây Ninh)

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm và phát triển sáng kiến số để kết nối cộng đồng, ứng dụng giải pháp công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển nông thôn bền vững hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống người dân dựa trên thể mạnh và cơ hội của địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của xã với mục tiêu đưa ứng dụng công nghệ thông tin trở thành hoạt động thường xuyên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần nâng cao năng lực cán bộ, đổi mới phương thức, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp địa phương và xuống đến cơ sở.

Thông qua sử dụng các nền tảng và ứng dụng công nghệ mới, hiện đại để góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững, xây dựng môi trường sống, sản xuất kinh doanh ngày càng văn minh, hiện đại cũng như góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở trong thời bình, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Triển khai mô hình xã nông thôn mới thông minh trên các lĩnh vực: quản lý an ninh, trật tự - an toàn xã hội, quản lý môi trường, hạ tầng kết nối số đa năng hỗ trợ hệ sinh thái xã thông minh: văn hóa, xã hội, nông nghiệp,...

2. Mục tiêu cụ thể

Tiếp tục duy trì, nâng chất các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025; phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2024 – 2025 xây dựng trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; triển khai thực hiện 39/39 chỉ tiêu (nâng cao đối với các chỉ tiêu cơ bản đạt và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt) thuộc 18 mục tiêu của 06 nhóm nội dung chính (Chính quyền điện tử định hướng chính quyền số; Hạ tầng số; Dịch vụ nông thôn số; Kinh tế nông thôn; Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH; Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội) như sau:

a) Duy trì và nâng cao chất lượng đối với 24 tiêu chí cơ bản đạt (1.1, 3.1, 3.2, 4.1, 4.3, 5.1, 5.2, 7.1, 7.2, 8.1, 8.2, 9.1, 10.1, 10.2, 12.1, 13.1, 13.2, 16.1, 16.2, 16.3, 16.4, 17.1, 18.1, 18.2)

b) Phấn đấu hoàn thành 15 tiêu chí chưa đạt, bao gồm:

- 1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/ công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.

- 1.3. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân.

- 2.1. Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn.

- 3.3. Có tối thiểu 01 diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các ấp/xã, người dân trên nền tảng số

- 4.2. 100 % phủ sóng mạng di động trong phạm vi xã (4G/5G).

- 4.4. Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã.

- 6.1. Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.

- 6.2. Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế - xã hội của xã.

- 6.3. Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- 9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính, đường truyền camera, loa...

- 10.3. Trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong điều tra, khảo sát, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- 11.1. Có ít nhất 01 mô hình dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...).

- 14.1. Có ít nhất 01 mô hình kinh tế nông thôn đổi mới, sáng tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.

- 15.1. Xã đã được xác nhận đạt tiêu chí về điện kiểu mẫu theo BTC xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sử dụng năng lượng mặt trời). Tỷ lệ các tuyến đường trục ấp, ngõ xóm có hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời $\geq 20\%$.

- 15.2. Có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, các cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy hải sản, làng nghề trên địa bàn.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hợp phần 01: “Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số”

- Đầu tư Phân hệ trung tâm điều hành thông minh cấp xã, bao gồm các phân hệ:

+ Phân hệ tổng hợp dữ liệu Làng/ Xã Thông minh

+ Phân hệ AI chat bot

+ Phân hệ tích hợp và chia sẻ dữ liệu cho IOC Huyện/ Tỉnh

- + Phân hệ đồng bộ dữ liệu Làng/ Xã và điều hành thông minh cấp Huyện
- Bên cạnh đó, triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử xã thông minh và Ứng dụng xã thông minh trên điện thoại di động.
- Đầu tư trang thiết bị và một số phần mềm thương mại đi kèm hỗ trợ các cán bộ xã khai thác các hệ thống số.

2. Hợp phần 02: “Kinh tế số”

- Hệ thống quan trắc môi trường phục vụ sản xuất tại xã: "Việc cung cấp thông số quan trắc môi trường liên quan đến việc sản xuất (nuôi, trồng) tại địa phương rất quan trọng. Các thông số quan trắc môi trường phải được lấy tại địa bàn của xã, truyền dẫn dữ liệu về trung tâm và chia sẻ lại cho người dân. Số lượng thiết bị quan trắc dự kiến triển khai: 3 trạm quan trắc nước, 2 trạm quan trắc đất, 2 trạm quan trắc khí + mưa.

- Hệ thống giám sát côn trùng thông minh: Dự kiến lắp đặt 02 hệ thống giám sát côn trùng thông minh phục vụ sát sâu rầy trên cây nhãn, bao gồm một số tính năng cơ bản:

- Dịch vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu và bản quyền phần mềm thương mại 01 năm, kèm bản quyền ứng dụng di động

3. Hợp phần 03: “Xã hội số”

Hệ thống camera dùng AI phục vụ giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông nông thôn: dự kiến lắp đặt khoảng 10 điểm./.

UBND THỊ XÃ HÒA THÀNH
UBND XÃ TRƯỜNG ĐÔNG

ĐỀ ÁN
MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM XÃ NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH
XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Trường Đông, tháng 02 năm 2025

MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM XÃ NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH XÃ TRƯỜNG ĐÔNG, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên mô hình: “Mô hình xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông”.

2. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian: 2024 - 2025.

- Địa điểm thực hiện: xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Cơ quan thực hiện: UBND xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Cơ quan phối hợp

Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA MÔ HÌNH

1. Thực trạng mô hình

a) Về chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số

Dịch vụ công trực tuyến:

- Tổng số thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 118 thủ tục, với 8 lĩnh vực.

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến được cung cấp là 118 TTHC, trong đó: dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 32 TTHC, dịch vụ công trực tuyến một phần là 79 TTHC, DVC cung cấp thông tin trực tuyến là 7 TTHC.

Việc thực hiện chữ ký số, phần mềm Văn phòng điện tử (eGov) chưa được thường xuyên, do một số cán bộ, công chức chưa thay đổi thói quen sử dụng văn bản giấy, còn ngại thao tác trên phần mềm. Tỷ lệ văn bản đi sử dụng văn bản điện tử qua các năm như sau: năm 2021 ban hành 69/872 văn bản đạt 7,91%; năm 2022 ban hành 159/809 văn bản đạt 19,65%; năm 2023 ban hành 406/1115 văn bản đạt 35,30%. Tăng cường triển khai thực hiện hệ thống một cửa điện tử trong tiếp nhận và giải quyết TTHC, sử dụng hệ thống Hộp không giấy.

Thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng hỗ trợ, hướng dẫn người dân đăng ký, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích trực tuyến.

Tiếp nhận và phản ánh kiến nghị của người dân qua hệ thống 1022 của tỉnh.

b) Về hạ tầng số

Trang thiết bị máy tính, máy in tại xã gồm: 32 máy tính bàn; 06 laptop, 05 máy scan, 25 máy in; hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động 3G/4G bao phủ đến hộ gia đình, đảm bảo 100% hộ dân được kết nối internet; trang bị wifi tại các nơi sinh hoạt cộng đồng như: vị trí Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng. Trên địa bàn xã có 3.869/4.836 hộ sử dụng thuê bao di động thông minh kết nối internet chiếm 80,00%;

Tổng số 59 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, lực lượng công an,... (cán bộ: 11; công chức: 10; người hoạt động không chuyên trách: 12; lực lượng Công an: 17; Lực lượng Quân sự: 09) sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet đạt tỷ lệ 100%.

c) Về dịch vụ nông thôn số

Tổ công nghệ số cộng đồng ở xã và 06 tổ tại các ấp với 62 thành viên; cán bộ xã/ấp ứng dụng các nền tảng số để thông tin, truyền truyền đến người dân trong ấp cài đặt ứng dụng Tây Ninh Smart và nhóm Zalo cộng đồng thường xuyên tương tác, kịp thời nắm bắt thông tin và tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nộp hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến; thanh toán trực tuyến....

Các ứng dụng trường học triển khai thực hiện: quản lý thông tin dạy và học qua phần mềm vnEdu, phần mềm quản lý tài sản; trang bị đầy đủ trang thiết bị máy tính phục vụ dạy và học.

d) Về kinh tế nông thôn

Trên địa bàn xã có 09 sản phẩm OCOP đạt 3 sao đến 5 sao của Công ty TNHH Tân Nhiên ngụ ấp Trường Phú, xã Trường Đông: 01 sản phẩm muối tỏi đạt 3 sao, 07 sản phẩm đạt 4 sao: Bánh tráng phô mai, bánh tráng sa tế tôm hành, bánh tráng sa tế tỏi, bánh tráng ớt bay muối nhuyễn siêu cay, bánh tráng trộn vị trứng muối, sản phẩm muối tôm, sản phẩm muối sặc và 01 sản phẩm đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá công nhận đạt 5 sao: bánh tráng siêu mỏng.

Tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử như: Postmart, Voso,...; doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa phương được phổ biến thông tin và hướng dẫn tham gia các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh như: Công ty TNHH Tân Nhiên và Công ty TNHH Công nghiệp Penro.

Tổ chức các buổi hội thảo về cách phòng bệnh trên hoa màu, cây mỳ, cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; tập huấn và triển khai tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP).

Thực hiện liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm nông nghiệp; hướng dẫn nông dân trồng, chăm sóc, thu hoạch sản phẩm các loại cây trồng; triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ nông dân trồng giống lúa mới trên 10 ha và sản xuất rau, cây ăn quả an toàn theo tiêu chuẩn VietGap.

đ) Quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tỷ lệ hộ dân có thực hiện phân loại chất thải rắn trên địa bàn xã chiếm 50,10% (2.422 hộ/4.836 hộ). Có 01 mô hình về hộ gia đình "5 có 3 sạch" gắn với phân loại rác tại nguồn trên địa bàn ấp Năm Trại, mô hình điểm Chi hội phụ nữ "5 có 3 sạch".

Việc thu phí thu gom rác thải bằng tiền mặt, chưa áp dụng hình thức hóa đơn điện tử; kịp thời thông tin đến người dân trên địa bàn xã về biến đổi khí hậu qua các kênh truyền thanh, cùm loa và các nhóm Zalo tại địa phương,...

e) Về đảm bảo an ninh, trật tự xã hội

Toàn xã được trang bị 38 camera, trong đó: 06 camera giám sát tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã (cấp tỉnh trang bị 02 camera và cấp huyện trang bị 04 camera), 32 camera an ninh được lắp đặt trên địa bàn xã.

Dự kiến lắp đặt 03 wifi công cộng tại Nhà Văn hóa xã Trường Đông, Hội trường UBND xã và chợ Trường Lưu (theo dự án "Chuyển đổi số và xây dựng Hòa Thành thành đô thị thông minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030).

2. Sự cần thiết xây dựng mô hình

Xã Trường Đông được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023. Trong thời gian qua, UBND xã Trường Đông đã triển khai nhiều giải pháp, nhiệm vụ nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tại địa phương và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, bước đầu đạt được những kết quả nhất định nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng công việc. Một số nơi trọng điểm đã lắp đặt camera an ninh giám sát, điều hành trên các tuyến đường xã, ấp và các cơ quan, trường học,... với nhiệm vụ là trung tâm kết nối thông tin, dữ liệu, dịch vụ, hạ tầng một cách toàn diện để thúc đẩy phát triển và đảm bảo tình hình an ninh ở nông thôn trên địa bàn.

Triển khai hệ thống phần mềm, ứng dụng dùng chung của tỉnh đối với cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn xã và nhiều hoạt động CNTT khác, bước đầu mang lại hiệu quả, phù hợp thực tiễn chuyển đổi số của tỉnh và của thị xã. Người dân sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu thông tin, đăng ký giải quyết TTHC trực tuyến, tuy nhiên còn hạn chế về số lượng; trang thiết bị máy tính, máy in,... được trang bị cơ bản đầy đủ nhưng đến nay đã lạc hậu, không đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay. Việc thanh toán các giao dịch hầu hết sử dụng tiền mặt, các doanh nghiệp ứng dụng tự động hóa trong sản xuất chưa nhiều, tình trạng rác thải chưa được phân loại xử lý tự động,...

Cơ sở hạ tầng được đầu tư khang trang, đường giao thông sạch sẽ, thông thoáng; nhà cửa dân cư được xây dựng kiên cố, phù hợp kiến trúc đặc trưng của địa phương; tình hình an ninh, trật tự ổn định; cảnh quan môi trường ngày một sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn.

Nhằm đáp ứng nhu cầu trong cuộc cách mạng 4.0, chuyển đổi số hiện nay, với mục tiêu xây dựng xã thông minh góp phần phát triển thị xã Hòa Thành là đô thị thông minh thì việc triển khai thực hiện từ cơ sở là giải pháp giải quyết vấn đề từ cơ bản đến toàn diện; trên cơ sở phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được và xây dựng mô hình cho giai đoạn mới theo nhận thức mới và thực tiễn mới nhằm nâng

cao nhận thức về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi tư duy, nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ Nhân dân.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, việc triển khai “Mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông” là cần thiết trên cơ sở kế thừa và phát huy các tiêu chí cơ bản đã đạt được; đồng thời, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí chưa đạt.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Công văn 2192/UBND-KSTTHC và các hướng dẫn của sở, ngành có liên quan, xã Trường Đông đánh giá thực trạng các nội dung tiêu chí (24 tiêu chí đạt và 15 tiêu chí chưa đạt) như sau:

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
I	Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số	1. Cải cách hành chính	1.1. Có dịch vụ công trực tuyến một phần (tương đương mức độ 3 trở lên như quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP).	Đạt	Số liệu trích xuất bản đồ 766 ngày 06/11/2024 88,8%	$\geq 55\%$	Công văn số 379/VP-KSTT ngày 12/01/2024 4
			1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/ công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.	Chưa đạt	Chưa có dữ liệu phần mềm	$\geq$ Tốt	
			1.3. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân.	Chưa Đạt	Chưa phổ biến thông tin đến tận điện thoại của người dân	Đạt	
		2. Kết nối công nghệ	2.1. Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn.	Chưa đạt	Chưa có	Đạt	Công văn số 488/STTT T-CNTTBC VT ngày 14/3/2024
		3. Kết nối xã hội	3.1. Thông tin liên lạc của tất cả cán bộ chính quyền được công khai cho người dân.	Đạt	Đạt	Đạt	Công văn số 2615/SN V-CCVC ngày 28/12/2023 3

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
			3.2. Có xây dựng nhóm hành động địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong xây dựng NTM và chuyển đổi số	Đạt	Đoàn niên xã có mô hình chuyển đổi số, các nhóm Zalo	Đạt	Công văn số 488/STTT T- CNTTBC VT ngày 14/3/2024
			3.3. Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các ấp/xã, người dân trên nền tảng số	Chưa đạt	Không	≥ 01	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
II	Hạ tầng số	4. Hạ tầng kết nối Internet, hạ tầng dữ liệu	4.1. Đáp ứng đường thuê bao kết nối internet trên số hộ dân của xã.	Đạt	Đạt	$\geq 80\%$	Công văn số 448/STTT T- CNTTBC VT ngày 14/3/2024
			4.2. Phủ sóng mạng di động trong phạm vi xã (4G/5G).	Chưa đạt	Đạt	100%	
			4.3. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	Đạt	Có 2 điểm TTVH và chợ Trường Lưu	Đạt	
			4.4. Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã.	Chưa đạt	Không	Phần đầu Đạt	
		5. Sử dụng thiết bị kết nối Internet	5.1. Hộ dân sở hữu ít nhất 01 thiết bị điện thoại thông minh hoặc máy tính có kết nối internet.	Đạt	81%	$\geq 80\%$	Công văn số 448/STTT T- CNTTBC VT ngày 14/3/2024
			5.2. Cán bộ xã, ấp sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet.	Đạt	100%	100%	
III	Dịch vụ nông thôn số	6. Trung tâm thông tin xã	6.1. Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.	Chưa đạt	Không	Phần đầu Đạt	Công văn số 448/STTT T- CNTTBC VT ngày 14/3/2024
			6.2. Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế - xã hội của xã.	Chưa đạt	Có	Đạt	

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
			6.3. Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn.	Chưa đạt	Chưa có	Đạt	
	7. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất/kinh doanh nông nghiệp	7.1. Có mô hình HTX ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, có sự tham gia của người dân.		Đạt	01 Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại Nông nghiệp Nhân Tâm	≥ 01	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
		7.2. Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên các mạng xã hội, các nền tảng thương mại điện tử.		Đạt	có 08 sản phẩm OCOP đạt 3 sao đến 4 sao; 01 sản phẩm 5 sao của Công ty TNHH Tân Nhiên	Đạt	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
	8. Dịch vụ thanh toán trực tuyến	8.1. Hộ dân sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến (điện, nước, môi trường, học phí, hành chính công...).		Đạt	52%	≥ 50%	Công văn số 379/VP-KSTT ngày 12/01/2024
		8.2. Số cơ sở kinh doanh dịch vụ (có đăng ký kinh doanh) ứng dụng giải pháp thanh toán trực tuyến.		Đạt	50,5%	≥ 50%	
	9. Y tế nông thôn	9.1. Dân số được quản lý sức khỏe bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.		Đạt	25%	Đạt	Công văn số 81/SYT-KHTC ngày 10/01/2024
		9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính, đường truyền camera, loa...		Chưa đạt	25%	Phần đầu Đạt	
	10. Giáo dục nông thôn	10.1. Ứng dụng công nghệ số quản trị cơ sở giáo dục: triển khai phần mềm quản trị nhà trường; triển khai dịch vụ trực tuyến (kết nối gia đình và nhà trường, tuyển sinh đầu cấp, thu phí dịch vụ giáo dục).		Đạt	Đạt	100%	Công văn số 39/SGDD T-KHTC ngày 03/01/2024

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
			10.2. Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các cơ sở giáo dục: trang bị hạ tầng, thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy, học; triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.	Đạt	Đạt	>80%	
			10.3. Trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong điều tra, khảo sát, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.	Chưa đạt	Chưa thực hiện	Phần đầu Đạt	
		11. Phát triển các mô hình dịch vụ nông thôn khác	11.1. Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...).	Chưa đạt	Chưa thực hiện	≥ 1	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
		12. Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và người dân	12.1. Số lượng lớp đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người dân/cán bộ hàng năm.	Đạt	Đạt (có 02 lớp năm 2023)	≥ 2	Công văn số 448/STTT T-CNTTBC VT ngày 14/3/2024
		IV	Kinh tế nông thôn	13. Sáng tạo trong phát triển kinh tế	13.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đạt chuẩn OCOP.	Đạt	Đạt
13.2. Có mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa hoặc bảo vệ môi trường có ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Đạt				Đạt	≥ 1	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
14. Sáng tạo số	14.1. Có mô hình kinh tế nông thôn đổi mới, sáng			Chưa đạt	Chưa thực hiện	≥ 1	Công văn số 35/KHCN

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
			tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.				-KH ngày 11/01/2024
V	Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH	15. Sử dụng năng lượng, thủy lợi	15.1. Xã đã được xác nhận đạt tiêu chí về điện kiểu mẫu theo BTC xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sử dụng năng lượng mặt trời)	Chưa đạt	Chưa đạt	$\geq 20\%$	Hướng dẫn số 3375/HD-SCT ngày 29/12/2023
			15.2. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, các cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy hải sản, làng nghề trên địa bàn.	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Hướng dẫn số 1181/HD-SNN ngày 04/4/2024
		16. Môi trường nông thôn	16.1. Hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn trên địa bàn.	Đạt	50,10%	$\geq 50\%$	Hướng dẫn số 1370/HD-STNMT ngày 08/3/2024
			16.2. Hộ dân thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn.	Đạt	55%	$\geq 50\%$	
			16.3. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong theo dõi và kiểm soát tình hình đốt rơm rạ, xả thải nông nghiệp gây ô nhiễm môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	
			16.4. Người dân nhận thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải qua ứng dụng công nghệ số.	Đạt	Đạt	$\geq 80\%$	
		17. Ứng phó BĐKH	17.1. Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên	Đạt	90%	$\geq 80\%$	

ST T	Nhóm tiêu chí (6)	Tiêu chí (18)	Nội dung tiêu chí (39)	Đánh giá thực trạng	Hiện trạng	Chỉ tiêu	Công văn hướng dẫn
			truyền ứng dụng công nghệ số.				
VI	Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội	18. Giám sát nông thôn thông minh	18.1. Có hệ thống camera giám sát an ninh kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh.	Đạt	Có 35 Camera phòng, chống tội phạm tại các điểm đen chuyển về Trung tâm xử lý	Đạt	Công văn số 55/CAT- PTM ngày 15/01/202 4
			18.2. Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã.	Đạt	Công an xã đang thực hiện	Đạt	

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH

1. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành sửa đổi Quyết định 2378/QĐ-BTTTT về công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

- Công văn số 8050/BNN-VPĐP ngày 29/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn triển khai một số chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử;

- Công văn số 1021/THH-DVCNTT ngày 31/7/2020 của Cục Tin học hóa về việc hướng dẫn mô hình thí điểm xây dựng xã thông minh.

- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 26/01/2021 của Tỉnh ủy Tây Ninh về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Đề án Xây dựng Chính quyền số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh (phiên bản 2.0);

- Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (sửa đổi, bổ sung);

- Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm chuyển đổi số và xây dựng thị xã Hòa Thành trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030;

- Kế hoạch số 3306/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Công văn số 2192/UBND-KSTTHC ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh về việc Hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử.

2. Cơ sở thực tiễn

Xã Trường Đông đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.

2.1. Về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội:

- Xã Trường Đông nằm cuối thị xã Hòa Thành, có tổng diện tích tự nhiên: 2.288,55 ha (chiếm 27,53% diện tích tự nhiên thị xã Hòa Thành), trong đó diện tích đất nông nghiệp: 1.803,66 ha (chiếm 78,82% diện tích tự nhiên); đất phi nông nghiệp: 484,5 ha; xã có 05 ấp: Trường Lưu, Trường Phú, Trường Đức, Trường Ân và Năm Trại.

- Hệ thống đường giao thông có tổng chiều dài 97,01km, trong đó: đường Quốc lộ 22B dài 2,3km; đường huyện: 11,76km; đường xã: 3,87km; đường trục ấp: 12,862km; đường ngõ xóm: 61,615km; đường trục chính nội đồng: 4,6km.

- Ngành nghề chính chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi; ngoài ra, một số ít sinh sống bằng nghề sản xuất công nghiệp, dịch vụ và buôn bán nhỏ lẻ, cụ thể: sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi chiếm 83,12%; hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp chiếm 2,90%; hộ dịch vụ thương mại chiếm 10,64%; các lĩnh vực khác chiếm 3,34%.

- 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được đảm bảo tưới, tiêu gồm hệ thống công trình thủy lợi, các hệ thống kênh mương, rạch tiêu và các hệ thống tưới tiết kiệm nước, tưới giếng bơm...

2.2. Về cơ sở vật chất văn hóa - xã hội:

- Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng: 01.
- Nhà văn hóa ấp: 05.
- Trường học: 05 trường học (01 mầm non, 03 tiểu học, 01 trung học cơ sở).
- Trạm y tế: 01 trạm.
- Hệ thống điện, thông tin, truyền thông: 100% hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn; 37 cụm loa không dây phân bố trên địa bàn 05/05 ấp, 100% ấp có Internet; trạm thu phát sóng thông tin di động hoạt động ổn định.

2.3. Về khả năng áp dụng công nghệ thông tin

- Dân số xã Trường Đông 18.492 người (theo số liệu cơ sở dữ liệu quốc gia Công an xã đang quản lý), với 4.836 hộ; Trên địa bàn xã có 3.869/4.836 hộ có sử dụng thuê bao di động thông minh, máy vi tính có kết nối internet, chiếm tỷ lệ 80% (QĐ tối thiểu 50%); hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động 3G/4G bao phủ đến hộ gia đình, đảm bảo 100% hộ dân được kết nối internet; tỷ lệ công dân kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích khác trên ứng dụng VNeID, tính theo số công dân đủ 14 tuổi trở lên là 13.640/18.492 Đạt 77,76% (mức 1: 564 TH; mức 2: 13.076 TH),

Xã được trang bị 32 máy tính bàn; 06 laptop, 05 máy scan, 25 máy in; đã trang bị wifi tại các nơi sinh hoạt cộng đồng như: vị trí Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng; gần 100% số người trong độ tuổi lao động có sử dụng thuê bao di động thông minh.

Tổng số 59 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, lực lượng công an,... (cán bộ: 11; công chức: 10; người hoạt động không chuyên trách: 12; lực lượng Công an: 17; Lực lượng Quân sự: 09) sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet, sử dụng hộp thư điện tử công vụ và văn phòng điện tử và các ứng dụng thông minh khác để phục vụ cho công tác điều hành, chỉ đạo, chia sẻ thông tin và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn, đạt tỷ lệ 100%.

IV. MỤC TIÊU CỦA MÔ HÌNH

1. Mục tiêu chung

Xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm và phát triển sáng kiến số để kết nối cộng đồng, ứng dụng giải pháp công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển nông thôn bền vững hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống người dân dựa trên thể mạnh và cơ hội của địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của xã với mục tiêu đưa ứng dụng công nghệ thông tin trở thành hoạt động thường xuyên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông

tin, góp phần nâng cao năng lực cán bộ, đổi mới phương thức, lề lối làm việc theo hướng hiện đại, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp địa phương và xuống đến cơ sở.

Thông qua sử dụng các nền tảng và ứng dụng công nghệ mới, hiện đại để góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững, xây dựng môi trường sống, sản xuất kinh doanh ngày càng văn minh, hiện đại cũng như góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở trong thời bình, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Triển khai mô hình xã nông thôn mới thông minh trên các lĩnh vực: quản lý an ninh, trật tự - an toàn xã hội, quản lý môi trường, hạ tầng kết nối số đa năng hỗ trợ hệ sinh thái xã thông minh: văn hóa, xã hội, nông nghiệp,..

2. Mục tiêu cụ thể

Tiếp tục duy trì, nâng chất các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025; phần đầu xây dựng xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2024 – 2025 xây dựng trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; triển khai thực hiện 39/39 chỉ tiêu (nâng cao đối với các chỉ tiêu cơ bản đạt và phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu chưa đạt) thuộc 18 mục tiêu của 06 nhóm nội dung chính (Chính quyền điện tử định hướng chính quyền số; Hạ tầng số; Dịch vụ nông thôn số; Kinh tế nông thôn; Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH; Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội) như sau:

a) Duy trì và nâng cao chất lượng đối với 24 tiêu chí cơ bản đạt (1.1, 3.1, 3.2, 4.1, 4.3, 5.1, 5.2, 7.1, 7.2, 8.1, 8.2, 9.1, 10.1, 10.2, 12.1, 13.1, 13.2, 16.1, 16.2, 16.3, 16.4, 17.1, 18.1, 18.2)

b) Phần đầu hoàn thành 15 tiêu chí chưa đạt, bao gồm:

- 1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/ công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.

- 1.3. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân.

- 2.1. Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn.

- 3.3. Có tối thiểu 01 diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các ấp/xã, người dân trên nền tảng số

- 4.2. 100 % phủ sóng mạng di động trong phạm vi xã (4G/5G).

- 4.4. Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã.

- 6.1. Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.

- 6.2. Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế - xã hội của xã.

- 6.3. Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- 9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính, đường truyền camera, loa...

- 10.3. Trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong điều tra, khảo sát, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- 11.1. Có ít nhất 01 mô hình dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...).

- 14.1. Có ít nhất 01 mô hình kinh tế nông thôn đổi mới, sáng tạo dựa trên ứng dụng giải pháp công nghệ số.

- 15.1. Xã đã được xác nhận đạt tiêu chí về điện kiểu mẫu theo BTC xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sử dụng năng lượng mặt trời). Tỷ lệ các tuyến đường trục ấp, ngõ xóm có hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời $\geq 20\%$.

- 15.2. Có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, các cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy hải sản, làng nghề trên địa bàn.

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA MÔ HÌNH

(Các hợp phần, hoạt động, kết quả của mô hình, dự kiến kinh phí cho từng hợp phần, hoạt động)

1. Hợp phần 01: “Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số”

a) Hoạt động của hợp phần

Chính quyền xã ứng dụng triệt để công nghệ số vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của chính quyền, tăng tính minh bạch trong các hoạt động của xã và để phục vụ người dân trong xã tốt hơn.

Ứng dụng các phần mềm dùng chung của thị xã, của tỉnh như: phần mềm quản lý văn bản có ứng dụng chữ ký số để trao đổi văn bản điện tử liên thông 4 cấp, hệ thống thư điện tử, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo (VSR) của tỉnh,... để tạo sự đồng bộ, thống nhất và liên thông trong hệ thống chính quyền.

Xây dựng Cổng thông tin điện tử cấp xã, để cung cấp thông tin thống nhất, tập trung của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và là cầu nối giữa chính quyền cơ sở với người dân, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền cấp cơ sở, cung cấp tối thiểu 03 tin, bài/tháng. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn, tải tờ khai, biểu mẫu,...) trên Cổng thông tin điện tử cấp xã, Tây Ninh Smart, OA Zalo... để người dân được tiếp nhận thông tin kịp thời, nhanh chóng.

Cán bộ, công chức xã tăng cường sử dụng các nền tảng và ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, giải quyết công việc, giao tiếp với người dân thông qua các phương tiện truyền thông số, mạng xã hội,... Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu ứng dụng công nghệ số phục vụ hoạt động chỉ đạo, quản lý của UBND xã và không ngừng trau dồi kỹ năng số.

Tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức xã nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm trên hệ thống dùng chung của tỉnh, kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng an toàn thông tin.

Ứng dụng nhắn tin trên điện thoại thông minh, hội thoại nhóm, nhắn tin giao tiếp với toàn bộ người dân trong xã, các nhóm trao đổi khác nhau tùy theo mục đích tuyên truyền (như thông tin đến toàn bộ người dân trong các trường hợp cần thiết như thiên tai, lụt lội, tình hình an ninh, cảnh báo thông tin thời tiết, thông tin ảnh hưởng đến mùa màng; thiết lập các nhóm trao đổi về bảo đảm an ninh, tố giác tội phạm, phát triển kinh doanh,... trên các ứng dụng nhắn tin như Zalo, ...).

Thiết lập kênh giao tiếp chính thức trên các mạng xã hội Việt Nam để tuyên truyền, cung cấp thông tin cho người dân trong xã và giao tiếp, tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Kết quả thực hiện

- Kế thừa và tận dụng hệ thống hạ tầng máy chủ trung tâm phục vụ cài đặt, lưu trữ và phân tích dữ liệu tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý để thừa hưởng các yếu tố về hạ tầng sẵn có – đặc biệt là hệ thống hạ tầng về trung tâm dữ liệu an toàn thông tin, bên cạnh việc tận dụng các nguồn lực đầu tư trước đó của tỉnh mà còn góp phần giảm bớt nguồn lực đầu tư và các chi phí, nhân lực về duy trì quản trị vận hành cho xã, trong điều kiện nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin tại địa bàn xã còn nhiều hạn chế.

- Đầu tư Phân hệ trung tâm điều hành thông minh cấp xã, bao gồm các phân hệ:

- + Phân hệ tổng hợp dữ liệu Làng/ Xã Thông minh
- + Phân hệ AI chat bot
- + Phân hệ tích hợp và chia sẻ dữ liệu cho IOC Huyện/ Tỉnh
- + Phân hệ đồng bộ dữ liệu Làng/ Xã và điều hành thông minh cấp Huyện

- Bên cạnh đó, triển khai xây dựng Công thông tin điện tử xã thông minh và Ứng dụng xã thông minh trên điện thoại di động.

- Đầu tư trang thiết bị và một số phần mềm thương mại đi kèm hỗ trợ các cán bộ xã khai thác các hệ thống số.

c) Dự kiến kinh phí: 2.310.000.000 đồng, bao gồm:

- Xây dựng hệ thống máy chủ trung tâm lưu trữ và phân tích dữ liệu: 0 đồng (do Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ)

- Trang thiết bị hỗ trợ cán bộ xã khai thác các hệ thống số: 200.000.000 đồng.

- Phân hệ trung tâm điều hành thông minh cấp xã: 1.600.000.000 đồng.

- Công thông tin Xã thông minh: 60.000.000 đồng.

- Ứng dụng Xã thông minh trên điện thoại di động: 450.000.000 đồng.

2. Hợp phần 02: “Kinh tế số”

a) Hoạt động của hợp phần

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đạt chuẩn OCOP (phần mềm quản lý nhật ký sản xuất điện tử, phần mềm kế toán; công nghệ blockchain để truy xuất nguồn gốc,...); áp dụng cơ giới hóa (phun thuốc, gieo sạ, thu thập dữ liệu,...); robot trong thu hoạch, chế biến cảm biến theo dõi dự báo tình hình sâu bệnh.

Các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nông thôn được thực hiện trên mua bán, thanh toán trong môi trường mạng; ứng dụng công nghệ để hỗ trợ quảng bá, xây dựng thương hiệu và hình ảnh về mô hình xã thông minh, thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, dịch vụ du lịch của địa phương trên môi trường mạng. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu chung của xã trên môi trường mạng (đặt trên trang thông tin điện tử của xã, trên các kênh truyền thông trực tuyến chính thức của xã, trên fanpage của xã trên mạng xã hội,...).

Có hệ thống quan trắc môi trường tại các cơ sở sản xuất lớn có nguy cơ xả thải gây ô nhiễm môi trường, quan trắc mực nước trên sông phục vụ sản xuất.

Nông nghiệp thông minh: cung cấp, cập nhật thông tin về các mô hình làm nông nghiệp mới như nông nghiệp sạch, nông nghiệp 4.0, nông nghiệp thông minh dựa trên công nghệ số giúp tăng cao năng suất nông sản, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tác hại từ các yếu tố thời tiết, môi trường,... Xây dựng ứng dụng giúp truy xuất nguồn gốc và tạo dựng được thương hiệu cho sản phẩm. Xây dựng các mô hình tưới nước thông minh trên cây trồng. Tổ chức vận hành ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành công trình thủy lợi.

Thiết lập các kênh quảng bá về mô hình xây dựng xã thông minh (trên cổng thông tin điện tử, trên các mạng xã hội,...) để truyền cảm hứng và lan tỏa đến các xã, địa phương khác.

Giám sát sâu rầy thông minh thông qua ứng dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo (AI) để tự động nhận diện, thống kê số lượng, mật độ, các chủng loại sâu rầy và trả kết quả dưới dạng biểu đồ trực quan, thể hiện rõ tương quan giữa sâu rầy gây hại và thiên địch có lợi, từ đó giúp người nông dân có cái nhìn tổng quát và nhanh chóng về mức độ cân bằng của hệ sinh thái, đồng thời đưa ra các cảnh báo, dự báo về tình hình sâu rầy trên cánh đồng để người nông dân có thể lựa chọn phương thức xử lý kịp thời.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống quan trắc môi trường phục vụ sản xuất tại xã: "Việc cung cấp thông số quan trắc môi trường liên quan đến việc sản xuất (nuôi, trồng) tại địa phương rất quan trọng. Các thông số quan trắc môi trường phải được lấy tại địa bàn của xã, truyền dẫn dữ liệu về trung tâm và chia sẻ lại cho người dân.

Số lượng thiết bị quan trắc dự kiến triển khai:

- + 3 trạm quan trắc nước
- + 2 trạm quan trắc đất

+2 trạm quan trắc khí + mưa.

- Hệ thống giám sát côn trùng thông minh: Dự kiến lắp đặt 02 hệ thống giám sát côn trùng thông minh phục vụ sát sâu rầy trên cây nhãn, bao gồm một số tính năng cơ bản:

+ Sử dụng camera công nghiệp để chụp ảnh côn trùng, tích hợp công nghệ điện toán biên và máy học để phân tích, nhận diện và phân loại côn trùng theo thời gian thực.

+ Sử dụng đèn LED (UV, RGBW) để dẫn dụ các loại côn trùng có cánh, dễ bị thu hút bởi ánh sáng.

+ Sử dụng Pheromone để dẫn dụ các loại côn trùng khác.

+ Tích hợp hệ thống tự động làm sạch lưới chụp côn trùng, sử dụng máy nén khí và hệ thống làm sạch bằng nước.

+ Thống kê, phân loại, vẽ biểu đồ mật độ côn trùng.

+ Hệ thống tự động gửi cảnh báo và dự đoán về trạng thái, tình hình côn trùng.

- Dịch vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu và bản quyền phần mềm thương mại 01 năm, kèm bản quyền ứng dụng di động

c) Dự kiến kinh phí: 2.435.000.000 đồng, bao gồm:

- Hệ thống quan trắc môi trường phục vụ sản xuất tại xã: 1.760.000.000 đồng

- Hệ thống giám sát côn trùng thông minh: 675.000.000 đồng

3. Hợp phần 03: “Xã hội số”

a) Hoạt động của hợp phần

Ứng dụng công nghệ số để cung cấp các dịch vụ xã hội để phục vụ và hỗ trợ người dân tốt hơn, giúp người dân cảm nhận được sự chuyển đổi trong môi trường mình sinh sống so với trước.

Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên và thanh niên trong xã làm nòng cốt để thực hiện tuyên truyền, thuyết phục người dân đồng hành cùng chính quyền xã chung tay xây dựng, phát triển mô hình xã thông minh, tích cực sử dụng các dịch vụ chính quyền xã cung cấp trên công nghệ số.

Phối hợp với các kênh truyền thông, truyền hình để đưa tin, bài viết, phóng sự về mô hình chuyển đổi số, xây dựng xã thông minh của địa phương.

Y tế thông minh:

- Người dân được quản lý sức khỏe bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.

- Kết nối trạm y tế của xã với hệ thống khám chữa bệnh từ xa để người dân trong xã được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng tư vấn, hỗ trợ khám chữa bệnh trực tuyến,...

Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã tạo và đăng ký thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của mình; hỗ trợ người dân có diện thoại thông minh tải

các app ứng dụng được pháp luật cho phép tiếp nhận các thông tin thị trường, thông báo, hướng dẫn.

Cải tạo, chỉnh trang lại các điểm bưu điện văn hóa xã, trang bị kết nối internet, trạm phát wifi để người dân truy cập, khai thác thông tin trên internet.

Xây dựng môi trường xã văn minh, xanh, sạch, đẹp: chỉnh trang, sơn vẽ tại các địa điểm dễ gây mất cảnh quan môi trường (địa điểm thu gom rác, cột đèn, cột điện, trạm biến áp, trạm thu phát sóng,...) trở thành những công trình nghệ thuật.

b) Kết quả thực hiện

Hệ thống camera dùng AI phục vụ giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông nông thôn: dự kiến lắp đặt khoảng 10 điểm, bao gồm các thành phần tại mỗi điểm lắp như sau:

- Camera độ phân giải 5MP-8MP, chuẩn nén: H.265/H.264/MJPEG, Chuẩn bảo vệ: IP66/IK10

- Các thiết bị, vật tư lắp đặt đi kèm

- Chi phí lắp đặt trên các trụ điện/ đèn hiện hữu

- Phần mềm quản lý các camera (VMS)

- Phần mềm giám sát an ninh và giao thông công cộng ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và vạn vật kết nối.

- Vận hành trên máy chủ tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý.

c) Dự kiến kinh phí: 1.000.000.000 đồng.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp, đối tượng thụ hưởng gián tiếp từ mô hình)

1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp: người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện mô hình, tham gia chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp: các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã từng bước hoàn thiện kết quả thực hiện các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang triển khai, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành trong quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

VII. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

(Nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương; nguồn vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã; nguồn vốn tham gia đối ứng của doanh nghiệp, người dân, cộng đồng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác)

1. Nguồn vốn

Tổng dự toán kinh phí thực hiện: **6.181.082.506 đồng** (sáu tỷ một trăm tám mươi một triệu không trăm tám mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương: 4.421.082.506 đồng.

- Nguồn xã hội hóa: 1.760.000.000 đồng.

* Đề xuất sử dụng 100% kinh phí nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án từ nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2922/STC-HCSN-CS ngày 29/8/2024 về việc ý kiến cơ chế đối ứng thực hiện Đề án thí điểm mô hình xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông.

2. Dự kiến dự toán chi tiết kinh phí thực hiện

DVT: đồng

TT	Hạng mục	Tổng dự toán
1	Chi phí xây lắp	0
2	Chi phí thiết bị, phần mềm	5.745.000.000
3	Chi phí quản lý	95.616.770
4	Chi phí tư vấn	134.217.408
5	Chi phí khác có liên quan	84.309.344
6	Chi phí dự phòng	121.938.985
		6.181.082.506

Trong đó, chi phí thiết bị, phần mềm bao gồm 03 hợp phần chính:

TT	Nội dung	Tổng dự toán
1	Hợp phần 1: Chính quyền điện tử định hướng chính quyền số	2.310.000.000
2	Hợp phần 2: Kinh tế số	2.435.000.000
3	Hợp phần 3: Xã hội số	1.000.000.000
Tổng cộng		5.745.000.000

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Kiến nghị các sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí hỗ trợ:

Phối hợp, hướng dẫn địa phương xây dựng mô hình; thẩm định các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Quan tâm tạo điều kiện thu hút các nguồn lực hỗ trợ xã Trường Đông thực hiện; ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho xã duy trì mô hình.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành hỗ trợ:

Trên cơ sở mô hình được phê duyệt, chỉ đạo các phòng, ban thị xã hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã Trường Đông tổ chức triển khai hiệu quả mô hình xã nông thôn mới thông minh; phối hợp Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh chủ động bố trí nguồn ngân sách thị xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ thực hiện các nội dung của mô hình đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã Trường Đông

Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai mô hình, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ nội dung đã đề ra; thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng quy chế tổ chức hoạt động, chọn từng ấp, nội dung thí điểm phù hợp theo giai đoạn.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH

1. Tác động về kinh tế

Việc thực hiện mô hình sẽ xây dựng được nền tảng cơ bản về hạ tầng kỹ thuật bảo đảm phát triển theo định hướng đô thị thông minh của thị xã Hòa Thành, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp. Từ đó, giúp người sản xuất, các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, thương hiệu địa phương trên môi trường Internet một cách trực quan, phạm vi lan tỏa rộng lớn, tiết kiệm chi phí tiếp thị, quảng bá; đưa sản phẩm đặc sản, OCOP, dịch vụ du lịch,... lên sàn thương mại điện tử ra thị trường trong nước và quốc tế; truy xuất nguồn gốc bằng nền tảng công nghệ để khẳng định chất lượng sản phẩm khẳng định thương hiệu, nhằm bảo vệ thương hiệu sản phẩm, thu hút ngày càng nhiều khách hàng trong và ngoài nước.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng điện thoại thông minh, máy vi tính để bán hàng hóa, nông sản, dịch vụ trên sàn thương mại điện tử; mở ra nhiều cơ hội để cải thiện thu nhập cho người dân góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Triển khai thực hiện mô hình xã thông minh sẽ thúc đẩy quá trình phát triển nông thôn nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, đặc biệt là giúp người dân nông thôn tiếp cận nhanh và hiệu quả các dịch vụ công cơ bản cũng như các cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

2. Tác động về xã hội

Đề án “Thí điểm mô hình nông thôn mới thông minh” xã Trường Đông được thiết kế hợp lý, được vận hành trên hệ thống thiết bị hiện đại và giải pháp tiên tiến nhất hiện nay, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định, mô hình thống nhất, sẽ đảm

bảo cho việc sử dụng lâu dài và ổn định của hệ thống, tránh được sự lãng phí khi đầu tư cho các dự án riêng lẻ.

Giảm thời gian, nhân lực, bảo đảm tính chính xác trong thống kê, điều tra dân số; thống kê kịp thời, chính xác số lượng nhân khẩu, hộ khẩu; người già, trẻ em; đối tượng chính sách xã hội.

Tăng cường vai trò, hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của cấp lãnh đạo tỉnh, của thủ trưởng đơn vị trong hoạt động quản lý của Đảng và Nhà nước tại địa phương. Kịp thời đưa các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cơ sở và người dân nhanh chóng; huy động sự tham gia, tham dự của nhiều đối tượng, thành phần, tổ chức thuộc các lĩnh vực khác nhau để cùng nghe, cùng cho ý kiến, đảm bảo tính khách quan và có sức lan tỏa cao, góp phần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào môi trường làm việc, tăng hiệu quả trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh về công nghệ thông tin.

Cung cấp một kênh hội họp trực quan, linh động về báo cáo tình hình kinh tế, xã hội, chính trị của địa phương; kết nối mạng lưới cảm biến, thông tin, camera giúp kiểm tra, giám sát, điều khiển xã thông minh, trực tiếp đem lại hiệu quả về giảm chi phí của doanh nghiệp, người dân.

Kết nối mạng lưới cảm biến, thông tin, camera giúp kiểm tra, giám sát, điều khiển xã thông minh, trực tiếp đem lại hiệu quả về giảm chi phí của doanh nghiệp, người dân.

3. Tác động về môi trường

Cảnh quan môi trường được cải thiện, rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý đúng quy định. Theo dõi chất lượng môi trường nông thôn, tăng cường các hoạt động xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường sống nhằm nâng cao chất lượng môi trường, phát triển nhân rộng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường. Ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ứng dụng máy móc, thiết bị thân thiện môi trường, giảm tối đa việc phát sinh chất thải và nâng cao chất lượng sản phẩm; áp dụng các giải pháp khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

Ngoài ra, việc xây dựng mô hình không có đầu tư xây dựng, chỉ sử dụng điện nguồn từ lưới điện dân dụng và năng lượng mặt trời (nếu có), nên không có ảnh hưởng môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Đảng ủy-HDND-UBND-MTTQ xã;
- BCĐ NTM xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Thiện Huân

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
Thực hiện mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND xã Trường Đông)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DỰ TOÁN KINH PHÍ						Đơn vị chủ trì thực hiện	Diễn giải
		Tổng dự toán	Vốn ngân sách nhà nước				Vốn XIII		
			Tổng cộng	Vốn CTMTQG (Trung ương)	Vốn NS tỉnh	Vốn đối ứng (NS thị xã, xã)			
	TỔNG CỘNG	6,181,082,506	4,421,082,506	4,421,082,506	0	0	1,760,000,000		
A	CHI PHÍ THIẾT BỊ	5,745,000,000	3,985,000,000	3,985,000,000	0	0	1,760,000,000		
I	Chi phí hệ thống máy chủ	0	0	0			0		
1.1	Chi phí trang bị hệ thống máy chủ trung tâm: lưu trữ & phân tích dữ liệu	0	0	0				Sở Thông tin và Truyền thông	Cải đặt, lưu trữ trên hạ tầng tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý Thông số đề xuất: - 02 x CPU 12 Cores - 04 x RAM 32GB (tổng dung lượng 128GB) - 02 x 480 GB SSD (sử dụng để cài OS và phần mềm) - 01 x 5TB HDD (sử dụng lưu trữ hình ảnh bằng số xe, các minh chứng an ninh trật tự ...) - 1 x GPU NVIDIA L40 48GB
II	Chi phí lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm nền tảng xã thông minh	2,110,000,000	2,110,000,000	2,110,000,000			0	UBND xã Trường Đông	
2.1	Phân hệ trung tâm điều hành thông minh cấp xã: - Phân hệ tổng hợp dữ liệu Làng/ Xã Thông minh - Phân hệ AI chat bot - Phân hệ tích hợp và chia sẻ dữ liệu cho IOC Huyện/ Tỉnh - Phân hệ đồng bộ dữ liệu Làng/ Xã và điều hành thông minh cấp Huyện	1,600,000,000	1,600,000,000	1,600,000,000					- Quản trị tài liệu, văn bản - Tích hợp dữ liệu excel về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục ... - Tích hợp dữ liệu thuộc CSDL lớn cấp xã - Tiên xử lý dữ liệu trong kho dữ liệu - Thực hiện ETL dữ liệu, sinh các dữ liệu chuyên đề - Tạo lập hệ thống Dashboard, báo cáo thống kê - Dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho Sở NN&PTNT, trung tâm IOC huyện/ thành phố/ tỉnh theo yêu cầu - Trích xuất dữ liệu và quản lý Tri thức cho trợ lý AI - Tạo sinh văn bản - Quản lý tương tác với người dùng - Quản lý tri thức dưới dạng văn bản, tư liệu và huấn luyện trợ lý AI - Tích hợp trợ lý AI vào phần mềm, ứng dụng di động - Tương tác với nền tảng ngôn ngữ lớn - Phản hồi người dùng trên kết quả - Tính năng hỗ trợ khác như quản lý lịch sử thoại, thống kê số liệu, quản lý trợ lý AI
2.2	Cổng thông tin Xã thông minh	60,000,000	60,000,000	60,000,000					- Thông tin, tin tức - Bài viết về khuyến nông, du lịch, truyền thông - Văn bản pháp luật - Tư liệu như video, hình ảnh, dự án - Tích hợp trợ lý AI về khuyến nông - Phân hệ quản trị thông tin hiển thị trên cổng thông tin - Phân hệ quản trị sự kiện phản ánh từ người dân
2.3	Ứng dụng Xã thông minh trên điện thoại di động	450,000,000	450,000,000	450,000,000					- Thông tin, tin tức - Bài viết về khuyến nông, du lịch, truyền thông - Văn bản pháp luật - Tư liệu như video, hình ảnh, dự án - Tương tác hỏi đáp trợ lý AI về khuyến nông - Phản ánh sự kiện bao gồm hình ảnh sự kiện, vị trí (theo GPS), mô tả, ... - Theo dõi quá trình xử lý sự kiện



STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DỰ TOÁN KINH PHÍ						Đơn vị chủ trì thực hiện	Diễn giải
		Tổng dự toán	Vốn ngân sách nhà nước				Vốn XIII		
			Tổng cộng	Vốn CTMTQG (Trung ương)	Vốn NS tỉnh	Vốn đối ứng (NS thị xã, xã)			
III	Chi phí xây dựng hệ thống thông tin vệ tinh	2,760,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000			1,760,000,000	UBND xã Trường Đông	
3.1	Hệ thống quan trắc môi trường phục vụ sản xuất tại xã	1,760,000,000	0				1,760,000,000		Việc cung cấp thông số quan trắc môi trường liên quan đến việc sản xuất (nuôi, trồng) tại địa phương rất quan trọng. Các thông số quan trắc môi trường phải được lấy tại địa bàn của xã, truyền dẫn dữ liệu về trung tâm và chia sẻ lại cho người dân. Thiết bị quan trắc: - 3 trạm quan trắc nước - 2 trạm quan trắc đất - 2 trạm quan trắc khí + mưa.
3.2	Hệ thống camera dùng AI phục vụ thông tin kinh tế-xã hội, an ninh trật tự và giao thông nông thôn	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000					Hệ thống camera giám sát dùng AI phục vụ giám sát tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông, dự kiến lắp đặt khoảng 10 điểm, bao gồm các thành phần tại mỗi điểm lắp như sau: - Camera độ phân giải 5MP-8MP, chuẩn nén: H.265/H.264/MJPEG, Chuẩn bảo vệ: IP66/IK10 - Các thiết bị, vật tư lắp đặt đi kèm - Chi phí lắp đặt trên các trụ điện/ đèn hiện hữu - Phần mềm quản lý các camera (VMS) - Phần mềm giám sát an ninh và giao thông công cộng ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và vạn vật kết nối. - Vận hành trên máy chủ của Sở TTTT
IV	Chi phí thiết bị/vật tư phụ	875,000,000	875,000,000	875,000,000			0	UBND xã Trường Đông	
4.1	Trang thiết bị hỗ trợ cán bộ xã khai thác các hệ thống số	200,000,000	200,000,000	200,000,000					- Máy tính bàn và máy in - Bàn làm việc - Bản quyền phần mềm Window và MS Office cho máy tính bàn - Nhân công thi công, lắp đặt thiết bị
4.2	Hệ thống giám sát côn trùng thông minh	675,000,000	675,000,000	675,000,000					- Lắp đặt 02 hệ thống giám sát côn trùng thông minh phục vụ sát sâu rầy trên cây nhãn, bao gồm một số tính năng cơ bản: + Sử dụng camera công nghiệp để chụp ảnh côn trùng, tích hợp công nghệ điện toán biên và máy học để phân tích, nhận diện và phân loại côn trùng theo thời gian thực. + Sử dụng đèn LED (UV, RGBW) để dẫn dụ các loại côn trùng có cánh, để bị thu hút bởi ánh sáng. + Sử dụng Pheromone để dẫn dụ các loại côn trùng khác. + Tích hợp hệ thống tự động làm sạch lưới chụp côn trùng, sử dụng máy nén khí và hệ thống làm sạch bằng nước. + Thống kê, phân loại, vẽ biểu đồ mật độ côn trùng. + Hệ thống tự động gửi cảnh báo và dự đoán về trạng thái, tình hình côn trùng. - Dịch vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu và bản quyền phần mềm thương mại 01 năm, kèm bản quyền ứng dụng di động
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ	95,616,770	95,616,770	95,616,770	0	0	0		
C	CHI PHÍ TƯ VẤN	134,217,408	134,217,408	134,217,408	0	0	0		
D	CHI PHÍ KHÁC	84,309,344	84,309,344	84,309,344	0	0	0		
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	121,938,985	121,938,985	121,938,985	0	0	0		

Ghi chú: Tỷ lệ nguồn vốn thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (tỷ lệ vốn TW-Tỉnh 1:1.5; tỷ lệ vốn Tỉnh:vốn huyện 1:0.2)

HP1	2,310,000,000
HP2	2,435,000,000
HP3	1,000,000,000
	5,745,000,000